

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/02/2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
nợ chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đào, ông Bùi Kim Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, nợ chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Ngọc M, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội- Do ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đinh Ngọc M, chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Địa chỉ: Khối phố Tam Cẩm, thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông M tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005 và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông M ngoại tình, có hành vi bạo lực nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Ngọc M.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 02 người con chung là Trương Lâm Minh V, sinh ngày 02/07/2006 và Trương Lâm Minh L, sinh ngày 30/10/2011. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi hai con và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng. Trường hợp các con có ý kiến khác thì tôn trọng ý kiến của con, nếu bà nuôi một con thì bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng bà có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/10/2022 là 30.188.000 đồng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu chia đôi nợ chung.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện kết hôn vào năm 2005 UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ đó vợ chồng có cãi vã, xô xát nhau. Bà T bỏ đi Sài Gòn gần hai tháng nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông và bà T có 02 con chung như bà T trình bày, khi ly hôn, các con có nguyện vọng ở với ai thì ông thống nhất theo nguyện vọng của con. Trường hợp các con ở với mẹ thì ông thống nhất cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông có vay của Ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 24/11/2022 là 210.000 đồng, do bà T là người đứng tên vay. Ông M thống nhất chia đôi nợ chung, mỗi người trả 50% số nợ khi đến hạn thanh toán.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc M - đại diện theo ủy quyền lại trình bày:* Vợ chồng bà T và ông M có vay tại Ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam số tiền 30.000.000 đồng. Trong đó, chương trình vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 20.000.000 đồng, vay chương trình Học sinh, sinh viên mua máy tính là 10.000.000 đồng. Số tiền lãi phát sinh là 210.000 đồng. Ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam yêu

cầu giao nghĩa vụ cho một người trả nợ hoặc cả hai người cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T. Cho bà Lâm Thị T ly hôn với ông Trương Ngọc M. Giao cháu Trương Lâm Minh V, sinh ngày 02/07/2006 cho ông Trương Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Trương Lâm Minh L, sinh ngày 30/10/2011 cho bà T nuôi dưỡng. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Giao cho bà T, ông M mỗi người có nghĩa vụ trả 50% số nợ gốc và khoản tiền lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán cho Ngân hàng Chính sách Xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung, nợ chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, nợ chung khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trương Ngọc M cư trú tại thôn B, xã T, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam là đúng theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Trong thời gian chung sống bà T và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông M có hành vi bạo lực gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng ông M không tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ ông M không có thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ hôn nhân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông M đã thực sự trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Lâm Thị T là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T và ông M đều tôn trọng ý kiến của con, nếu con có nguyện vọng ở với ba hoặc mẹ. Xét thấy, cháu V có nguyện vọng ở với ba, cháu L có nguyện vọng ở với mẹ, do đó giao cháu V cho ông M, giao cháu L cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con, đúng quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khi mỗi người nuôi một con thì bà T, ông M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Bà T và ông M không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam số tiền 30.000.000 đồng. Trong đó 20.000.000 đồng chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và 10.000.000 đồng mua máy tính cho học sinh, sinh viên. Xét thấy, đây là khoản nợ chung nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên bà T và ông M nhận nghĩa vụ trả nợ chung là đúng quy định của pháp luật. Bà T, ông M mỗi người có nghĩa vụ trả 50% khoản nợ đã vay là 15.000.000 đồng (10.000.000 đồng chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và 5.000.000 đồng mua máy tính cho học sinh, sinh viên) và khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Chính sách Xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam khi đến hạn thanh toán.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lâm Thị T và ông Trương Ngọc M ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Lâm Minh V, sinh ngày 02/07/2006 cho ông Trương Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi; giao cháu Trương Lâm Minh L, sinh ngày 30/10/2011 cho bà Lâm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Các bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Bà Lâm Thị T, ông Trương Ngọc M mỗi người có nghĩa vụ trả 50% khoản nợ đã vay là 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng [10.000.000 (*Mười triệu*) đồng chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng mua máy tính cho học sinh, sinh viên] và khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Chính sách Xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam khi đến hạn thanh toán.

Về án phí: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010519, ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/02/2023); Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phú Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã Nghĩa Hiệp, h.Tư Nghĩa, t.Q.Ngãi.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành